

Số: 118/TB-ĐHKT-TCKT

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2023

THÔNG BÁO LẦN 3
Về việc cập nhật số tài khoản, ngân hàng trên hệ thống

Căn cứ Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ về học phí đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022-2023;

Căn cứ Công văn số 5954/BXD-KHTC ngày 28/12/2022 của Bộ xây dựng về việc mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022-2023.

Nhà trường đã thực hiện điều chỉnh giảm học phí và đã chuyển tiền trả lại học phí. Nhưng tính đến thời điểm hiện tại vẫn còn 364 sinh viên chưa đăng ký số tài khoản trên hệ thống tín chỉ (Có danh sách kèm theo). Nhà trường đã thông báo lần 2 trên trang tín chỉ và đã gửi rất nhiều lần danh sách tới cố vấn học tập của từng khoa để nhắc nhở sinh viên cập nhật số tài khoản. Nhà trường yêu cầu sinh viên chưa kê khai thì thực hiện kê khai tài khoản, ngân hàng theo hướng dẫn sau: <https://tinchi.hau.edu.vn> -> Sinh viên -> Thông tin cá nhân -> Hồ sơ cá nhân -> Tài khoản, Ngân hàng.

Hoặc cập nhật số TK qua Zalo cho (Thầy Tuyên) SĐT: 0964 95 8293.

Chú ý: Tuyệt đối không sử dụng tài khoản mượn của người khác.

Nơi nhận:

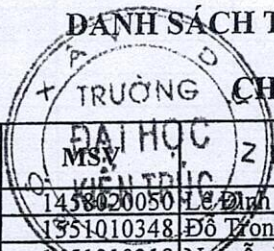
- Website tinchi.hau.edu.vn;
- Lưu: VT-TH, TCKT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS.KTS: *Lê Quân*

DANH SÁCH TRẢ LẠI HỌC PHÍ THEO NQ 165/NQ-CP NGÀY 20/12/2022



CHƯA CẬP NHẬT SỐ TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	Đợt chuyển	Số tiền	Số tài khoản	Tên ngân hàng
1	1458020050	Lê Đình Tính	2014NT		1,465,200		
2	1551010348	Đỗ Trọng Hoàn	2015K2		1,528,200		
3	1451010318	Nguyễn Đình Thái	2015K7		1,528,200		
4	1558020018	Đinh Thị ánh	2015NT2		1,465,200		
5	1558020018	Đinh Thị ánh	2015NT2		253,968		
6	1551020016	Phạm Hồng Giang	2015Q3		302,088		
7	1451030052	Dương Quốc Doanh	2015X2		105,820		
8	1551032002	Đinh Quốc Việt	2015X8		162,800		
9	1658010008	Lương Thanh Bình	2016DH		1,465,200		
10	1658030002	Đào Thị Thanh Bình	2016DK		1,465,200		
11	1651010018	Nguyễn Việt Hoàng	2016K1		169,800		
12	1651010212	Nguyễn Minh Nhật	2016K4		1,146,150		
13	1651010215	Trịnh Văn Quyền	2016K4		254,700		
14	1651010187	Nguyễn Trung Đức	2016K4		84,900		
15	1651010306	Lý Minh Hoàng	2016K6		1,528,200		
16	1651010317	Phạm Văn Linh	2016K6		1,528,200		
17	1651010313	Lê Mạnh Hùng	2016K6		1,528,200		
18	1651010399	Lê Xuân Tùng	2016K7		169,800		
19	1651010358	Trần Việt Hiến	2016K7		382,050		
20	1451060012	Nguyễn Đức Hường	2016M		162,800		
21	1551040106	Vũ Công Đức	2016N1		81,400		
22	1551040095	Nguyễn Tuấn Anh	2016N1		81,400		
23	1658020043	Đào Lê Nhật Mai	2016NT1		253,968		
24	1658020035	Nguyễn Thị Ngọc Linh	2016NT2		1,465,200		
25	1651020023	Phạm Minh Kiều	2016Q1		169,800		
26	1651020124	Khuất Quang Quân	2016Q3		169,800		
27	1551080055	Phùng Minh Đức	2016QL1		199,600		
28	1651090007	Vũ Trùng Dương	2016VL		407,000		
29	1651090012	Đinh Việt Hoàng	2016VL		162,800		
30	1651030069	Lê Minh Hiếu	2016X2		560,846		
31	1651030199	Ngô Trọng Thắng	2016X4		105,820		
32	1551030104	Nguyễn Đình Hải	2016X7		244,200		
33	1651030349	Nguyễn Hữu Quyền	2016X7		244,200		
34	1651030427	Nguyễn Bá Đạo	2016X9		162,800		
35	1651070008	Bùi Xuân Dương	2016XN		465,608		
36	1755010010	Trần Đoàn Phong	2017CNTT		1,221,000		
37	1755010039	Nguyễn Thị Thương	2017CNTT		162,800		
38	1551050049	Phan Thế Quân	2017D1		211,640		
39	1551050049	Phan Thế Quân	2017D1		1,221,000		
40	1551050102	Lê Đức Thịnh	2017D1		1,546,600		
41	1551050071	Lê Tiến Cao	2017D1		162,800		
42	1651050101	Hoàng Ngọc Ánh	2017D1		814,000		
43	1751050019	Phạm Hồng Phong	2017D1		569,800		
44	1551050071	Lê Tiến Cao	2017D1		317,460		
45	1751050041	Nguyễn Đắc Hiếu	2017D2		732,600		
46	1751050066	Lê Đức Anh	2017D2		105,820		
47	1751050034	Phạm Thanh Phương	2017D2		976,800		
48	1751050026	Phạm Thị Hồng Hạnh	2017D2		211,640		
49	1751050011	Trương Ngọc Vân	2017D2		105,820		
50	1751050022	Phan Khánh Linh	2017D2		162,800		
51	1651050069	Nguyễn Cảnh Huy	2017D2		1,221,000		
52	1651050061	Nguyễn Anh Đức	2017D2		349,206		
53	1651050061	Nguyễn Anh Đức	2017D2		1,383,800		
54	1651050069	Nguyễn Cảnh Huy	2017D2		211,640		
55	1754010033	Phạm Minh Quân	2017DB		162,800		

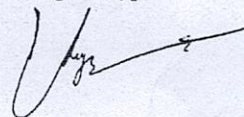
STT	MSV	Họ và tên	Lớp	Đợt chuyển	Số tiền	Số tài khoản	Tên ngân hàng
113	1752010004	Phạm Duy Anh	2017KTCQ		169,800		
114	1752010008	Ngô Quang Huy	2017KTCQ		509,400		
115	1652010031	Lê Ngọc Lâm	2017KTCQ		1,103,700		
116	1653010001	Vũ Đình An	2017KX1		253,968		
117	1453010024	Hoàng Duy Đạt	2017KX2		162,800		
118	1753010100	Nguyễn Văn Linh	2017KX2		325,600		
119	1753010048	Trương Thị Ngọc Yến	2017KX2		1,221,000		
120	1551040146	Nguyễn Đại Hải	2017N1		162,800		
121	1751040069	Uông Khương Duy	2017N1		732,600		
122	1751040021	Bùi Đức Hiếu	2017N1		1,221,000		
123	1651040016	Võ Đức Giang	2017N1		569,800		
124	1751040099	Nguyễn Thị Hải Yến	2017N1		1,221,000		
125	1751040025	Vũ Văn Lam	2017N1		162,800		
126	1751040025	Vũ Văn Lam	2017N1		211,640		
127	1551040087	Hoàng Việt Hưng	2017N2		162,800		
128	1651040089	Nguyễn Văn Nam	2017N2		455,840		
129	1751040082	Đặng Quang Hưng	2017N2		162,800		
130	1751040067	Ngô Đức Vũ	2017N2		1,139,600		
131	1651040066	Đặng Trần Đăng	2017N2		325,600		
132	1651040094	Nguyễn Đình Hoài Sơn	2017N2		162,800		
133	1758020025	Nguyễn Quang Thịnh	2017NT1		1,465,200		
134	1658020074	Văn Tiến Vinh	2017NT2		1,628,000		
135	1758020094	Đặng Trung Đức	2017NT2		488,400		
136	1758020020	Trần Nguyên Minh Hạnh	2017NT2		1,465,200		
137	1758020072	Nguyễn Duy Khánh	2017NT2		358,160		
138	1758020102	Ngô Hà Trang	2017NT2		1,465,200		
139	1758020054	Nguyễn Sỹ Tuyền	2017NT2		1,465,200		
140	1758020090	Trần Cao Thảo Nhi	2017NT2		1,465,200		
141	1751020013	Lê Thị Huyền Trang	2017Q1		63,675		
142	1751020121	Lê Anh Đức	2017Q1		636,750		
143	1751020145	Phạm Tuấn Anh	2017Q1		382,050		
144	1651020046	Hà Quốc Anh	2017Q2		339,600		
145	1651020087	Nguyễn Văn Tuấn	2017Q2		1,528,200		
146	1751020080	Nguyễn Thế Trung	2017Q2		925,410		
147	1751020128	Vũ Hoàng Long	2017Q2		551,850		
148	1751020074	Đinh Quang Khải	2017Q2		1,698,000		
149	1751020092	Đoàn Vĩnh Đan	2017Q2		382,050		
150	1751020158	Nguyễn Trọng Hiệp	2017Q2		169,800		
151	1551020152	Dương Văn Hường	2017Q3		1,528,200		
152	1651020116	Trần Lương Minh	2017Q3		254,700		
153	1751020024	Lê Tuấn Anh	2017Q3		1,528,200		
154	1751020039	Nguyễn Hoàng Trung	2017Q3		169,800		
155	1751020072	Lê Anh Tuấn	2017Q3		1,698,000		
156	1451080093	Nguyễn Văn Quang	2017QL1		399,200		
157	1751080057	Bùi Nhật Hoàng	2017QL1		1,497,000		
158	1751080007	Nguyễn Lương Thái	2017QL1		1,696,600		
159	1751080033	Nguyễn Kim Sơn	2017QL1		1,497,000		
160	1751080009	Phạm Ngọc Vĩ	2017QL1		389,220		
161	1751080024	Hoàng Đức Anh	2017QL2		1,497,000		
162	1751080046	Trần Trung Kiên	2017QL2		1,497,000		
163	1758040010	Tô Thị Thu	2017TT		1,465,200		
164	1758040006	Lê Thị Diệu Linh	2017TT		1,465,200		
165	1758040008	Vì Ngọc Vinh	2017TT		496,800		
166	1758040013	Trần Thủy Linh	2017TT		244,200		
167	1551090020	Nguyễn Duy Anh	2017VL		1,221,000		
168	1551090052	Phan Huy Hoàng	2017V1		268,620		
169	1651090029	Vương Đức Tùng	2017V1		1,221,000		
170	1751030168	Vũ Việt Anh	2017X-		211,640		

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	Đợt chuyển	Số tiền	Số tài khoản	Tên ngân hàng
227	1858010152	Nguyễn Thị Thu Phương	2018DH3		105,820		
228	1851010262	Đặng Tấn Minh	2018K2		339,600		
229	1851010144	Nguyễn Đình Hoàng	2018K2		1,103,700		
230	1851010307	Ngô Trọng Phước	2018K3		1,103,700		
231	1851010228	Nguyễn Đức Long	2018K5		2,207,400		
232	1853010127	Hà Cao Sơn	2018KX1		162,800		
233	1853010020	Vũ Thị Ngọc ánh	2018KX1		162,800		
234	1853010029	Đinh Thị Thùy Dung	2018KX1		732,600		
235	1853010056	Nguyễn Trung Hiếu	2018KX3		162,800		
236	1858020001	Nguyễn Phương An	2018NT1		520,960		
237	1858020270	Nguyễn Hải Yến	2018NT2		993,600		
238	1858020270	Nguyễn Hải Yến	2018NT2		331,200		
239	1858020002	Nguyễn Trường An	2018NT2		407,000		
240	1858020223	Nguyễn Đức Thắng	2018NT3		854,700		
241	1858020223	Nguyễn Đức Thắng	2018NT3		359,788		
242	1858020034	Nguyễn Dương Công	2018NT4		651,200		
243	1851020011	Phạm Thành Công	2018Q2		1,103,700		
244	1651020110	Nguyễn Hữu Khá	2018Q3		1,986,660		
245	1851080053	Trần Thị Huế	2018QL3		199,600		
246	1851080016	Phạm Hoàng Anh	2018QL3		199,600		
247	1851080016	Phạm Hoàng Anh	2018QL3		199,600		
248	1851080058	Nguyễn Nam Khánh	2018QL3		199,600		
249	1851090004	Đỗ Hoàng Dương	2018VL		162,800		
250	1851090016	Hoàng Đại Thắng	2018VL		724,460		
251	1851090004	Đỗ Hoàng Dương	2018VL		455,026		
252	1851030174	Nguyễn Văn Khánh	2018X1		162,800		
253	1851030061	Vũ Đình Dương	2018X1		1,294,260		
254	1851030128	Đinh Việt Hoàng	2018X1		162,800		
255	1851030349	Nguyễn Bá Việt	2018X1		162,800		
256	1851030087	Hoàng Trọng Đức	2018X1		325,600		
257	1851030287	Phạm Văn Toàn	2018X2		1,896,620		
258	1851030014	Nguyễn Quang Anh	2018X2		325,600		
259	1851030048	Phạm Văn Dung	2018X2		732,600		
260	1751030176	Trần Văn Hải	2018X4		1,628,000		
261	1851030277	Tạ Anh Tiến	2018X4		1,164,020		
262	1851030288	Hoàng Ngọc Tú	2018X4		1,164,020		
263	1751032002	Nguyễn Văn Ninh	2018X5		594,220		
264	1955010063	Trương Tuấn Đạt	2019CN3		1,367,520		
265	1855010006	Phạm Tuấn Anh	2019CN3		656,800		
266	1955010063	Trương Tuấn Đạt	2019CN3		211,640		
267	1958010153	Nguyễn Thục Quyên	2019DH1		1,628,000		
268	1958010142	Nguyễn Thanh Nguyệt	2019DH2		1,579,160		
269	1958010195	Thiếu Thu Trang	2019DH3		1,953,600		
270	1951010355	Nguyễn Quốc Tuấn	2019K+		1,613,100		
271	1951010022	Nguyễn Thị Vân Anh	2019K1		1,188,600		
272	1951010110	Nguyễn Thị Hương Giang	2019K5		1,443,300		
273	1958020063	Đậu Thùy Dương	2019NT3		1,261,700		
274	1958020087	Nguyễn Đức Hải	2019NT3		1,261,700		
275	1951020063	Trần Trung Kiên	2019Q3		1,248,030		
276	1951080042	Triệu Duy Đôn	2019QL3		337,324		
277	1958040005	Nguyễn Quỳnh Anh	2019TT1		1,953,600		
278	1958040069	Phan Thu Ngân	2019TT1		1,025,640		
279	1751030022	Phạm Văn Tuấn	2019X1		407,000		
280	1951030032	Nguyễn Văn Chiến	2019X2		275,132		
281	1951030043	Vũ Mạnh Dũng	2019X4		1,750,100		
282	1751070033	Đinh Hữu Nam	2019XN		1,164,020		

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	Đợt chuyển	Số tiền	Số tài khoản	Tên ngân hàng
340	2258020233	Nguyễn Hoàng Phương	2022NT2		1,729,600		
341	2251080061	Trần Ngọc Bảo Linh	2022QL1		1,512,000		
342	2251080076	Nguyễn Hoàng Phúc	2022QL2		1,512,000		
343	2155020118	Đỗ Đức Quốc Chiến	2021CDP2		2,191,840		
344	2156020188	Nguyễn Phương Nam	2021DA2		1,895,200		
345	2151080140	Hoàng Bá Huân	2021QL2		1,092,000		
346	2151080048	Cù Thanh Bắc	2021QL6		1,260,000		
347	2158040180	Nguyễn Đức Anh	2021TT2		1,899,040		
348	2151070031	Nguyễn Anh Minh	2021XN		1,898,400		
349	2055010102	Nguyễn Việt Hoàng	2020CN4		2,217,600		
350	1855010067	Đặng Công Huy	2018CN3		651,200		
351	1951020085	Nguyễn Đức Minh	2019Q1		2,241,360		
352	1952010035	Chu Hải Nam	2019KTCQ		2,216,340		
353	1958040017	Nguyễn Ngọc Diệp	2019TT1		1,514,040		
354	1851010089	Nguyễn Anh Đức	2018K6		1,528,200		
355	1858010188	Đỗ Thị Thu Trang	2018DH1		1,424,500		
356	1851030007	Ngô Tuấn Anh	2018X1		1,431,826		
357	1951030004	Đỗ Đức Anh	2019X3		1,717,540		
358	2251080109	Nguyễn Quý Vinh	2022QL1		1,512,000		
359	1751020124	Đỗ Minh Nghĩa	2017Q1		679,200		
360	2051050048	Nguyễn Mạnh Hùng	2020D		2,436,000		
361	1858020217	Nguyễn Phương Thảo	2018NT1		244,200		
362	1751020117	Ngô Thế Hà	2017Q3		1,528,200		
363	1851060010	Trần Văn Thế	2018M		81,400		
364	1858020084	Lê Anh Hiếu	2018NT1		1,465,200		
TỔNG					319,074,634		

Hà Nội ngày 09 tháng 05 năm 2023

Người lập



Phan Văn Tuyên